

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/01/2018

V/v: “ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Hoàng Huy

2. Ông Đỗ Minh Lắm

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Lua- Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2017/QĐST – HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2017/QĐST – HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trương Thị L, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: ấp Long Trị, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Trần Hải Đ sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: ấp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Đ tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, thường xuyên xảy ra cự cãi, khi chị sinh con, anh Đ không lo làm ăn, không quan tâm

đến chị và con nên luôn bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày không thể hàn gắn được và càng trầm trọng hơn nên đã ly thân nhau, chị L nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: có 01 người con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 13/12/2012, hiện con chung do chị L nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trương Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung đối với anh Trần Hải Đ, nơi cư trú tại ấp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Trần Hải Đ được thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ vắng mặt do đó vụ án không tiến hành hòa giải được và mở phiên tòa xét xử sơ thẩm triệu tập anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên xét xử vắng mặt anh Đ theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị L và anh Đ tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị L và anh Đ được công nhận và được pháp luật bảo vệ.

Chị L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị và anh Đ xảy ra mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và đã ly thân nhau, chị L yêu cầu ly hôn với anh Đ. Theo quy định của luật hôn nhân và gia đình “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”. Mặt khác, Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đ nhưng anh Đ cũng không có ý kiến gì đến việc yêu cầu xin ly hôn của chị L. Từ đó, cho thấy tình cảm giữa chị L và anh Đ không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị L yêu cầu được nuôi người con chung tên Trương Nhật H, sinh ngày 13/12/2012. Xét thấy hiện cháu H do chị Lan nuôi dưỡng, anh Đ cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu nuôi cháu H của chị L. Do đó, giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng là đảm bảo cho

cháu H có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý và tình cảm. Anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị L xác định không có, anh Đ cũng không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị L phải chịu 300.000 đồng; anh Đ không phải chịu án phí. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trương Thị L với anh Trần Hải Đ.

[2] Về con chung: giao cháu Trương Nhật H, sinh ngày 13/12/2012 cho chị Trương Thị L nuôi dưỡng. Hiện cháu Trương Nhật H đang do chị L nuôi dưỡng, chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Hải Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trương Thị L không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[5] Về án phí: chị Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng, ngày 16/10/2017 chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011639 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đối trừ chuyển thu. Anh Trần Hải Đ không phải chịu án phí.

[6] Án xử sơ thẩm các đương sự mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã Khánh Lâm (1b)
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

Dư Thanh Nguyễn

